| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**<br>TỈNH TIỀN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2025/DSST
Ngày: 18/3/2025
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đức Tân
2. Ông Lê Thành Thạnh Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.***

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS, ngày 07 tháng 03 năm 2025; giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật*: Ông R - Tổng giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền*: Bà Nguyễn Thị H - Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận quản lý công nợ.

*Đại diện theo ủy quyền* của bà H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp LQ2, PĐ, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

*(Anh T xin vắng mặt, bà S vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ngày 14/12/2023, bà S có ký hợp đồng tín dụng số 930080004817646000 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A (viết tắc là J) để vay số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 18/12/2023 J đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và bà S đã nhận đủ tiền. Lãi suất thỏa thuận là 2,65%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay sửa chữa nhà ở. Hình thức thanh toán là trả góp bao gồm tiền gốc, tiền lãi và phí quản lý khoản vay là 4.356.345 đồng. Hàng tháng, bà S trả tiền trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng. Ngày trả tiền đầu tiên là ngày 12/01/2024.

Từ ngày 12/01/2024 đến ngày 17/5/2024 bà S có trả cho J được 5 tháng với số tiền là 21.817.700 đồng. Trong đó tiền gốc là 9.393.898 đồng, tiền lãi trong hạn 12.327.827 đồng, tiền lãi quá hạn 35.975 đồng, phí quản lý khoản vay 60.000 đồng. Từ sau ngày 17/5/2024 đến nay, bà S không trả tiền cho JIVF.

Nay Công ty J yêu cầu bà S trả số tiền còn nợ gốc là 90.606.102 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 18/3/2025 như sau: Tiền lãi trong hạn là 24.396.964 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.577.259 đồng, phí quản lý khoản vay 132.000 đồng. Tổng cộng là 118.712.325 đồng. Yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bà S trả tiếp tiền lãi phát sinh sau ngày 18/3/2025 cho đến khi hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 930080004817646000 ngày 14/12/2023.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị S hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp gao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà S vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả lại tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Anh T là đại diện theo ủy quyền của J có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà S vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt anh T và bà S.

**[2]** Về nội dung khởi kiện

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn J, yêu cầu bà S trả tiền vay còn nợ đến ngày xét xử (18/3/2025) là 118.712.325 đồng. Xét thấy, theo nội dung hợp

đồng tín dụng số 930080004817646000, ngày 14/12/2023, bà S có ký hợp đồng tín dụng với J để vay số tiền 100.000.000 đồng. Theo nội dung khởi kiện, bà S còn nợ tiền gốc là 90.606.102 đồng.

Theo các bản kê tiền lãi, tính đến ngày 18/3/2025, bà S còn nợ các khoảng tiền lãi và phí như sau: 24.396.964 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.577.259 đồng, phí quản lý khoản vay 132.000 đồng. Tổng cộng là 118.712.325 đồng.

Bà S không gửi văn bản cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của J đồng nghĩa việc bà S đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của J. Do đó, có cơ sở xác định bà S còn nợ J tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/3/2025 tổng cộng là 118.712.325 đồng nên buộc bà S có nghĩa vụ trả tiền cho J số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử là 118.712.325 đồng

**[3]** Về thời gian trả

J yêu cầu bà S trả số tiền còn nợ gốc và nợ lãi (tạm tính đến ngày 18/3/2025) 118.712.325 đồng**,** khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 930080004817646000, ngày 14/12/2023 thời hạn thanh toán gốc và lãi định kỳ hàng tháng. Bà S ngưng thanh toán gốc và lãi từ 17/5/2024 đến nay là vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, J yêu cầu bà S trả tất cả nợ gốc, nợ lãi khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

**[4]** Về yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 18/3/2025 (sau ngày xét xử):

Căn cứ khoản 2 Điều 91 luật Tổ chức tính dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. J yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày xét xử đến ngày bà S trả xong nợ, với lãi suất theo nội dung các hợp đồng hai bên đã ký kết là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

**[5]** Về án phí

Bà S có nghĩa vụ trả tiền cho J nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. J, không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

***Điều luật áp dụng:***

- Điều 303, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

***Xử:***

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A (J).

- Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A (J) số tiền còn nợ đến ngày 18/3/2025 tổng cộng là 118.712.325 đồng**,** khi án có hiệu lực pháp luật; và trả lãi phát sinh từ ngày 19/3/2025 đến ngày trả xong nợ, với lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 930080004817646000, ngày 14/12/2023, đã ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A với bà Nguyễn Thị S.

*Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Thị S không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại theo hợp đồng tín dụng số* 930080004302367000 ký ngày 05/7/2023*, giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A với bà Nguyễn Thị S.*

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ nộp 5.935.616 (năm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A (J) không nộp tiền áp phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A (J) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.486.000 (*hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn)* đồng, theo biên lai thu số 0001932 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ, các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.